

Số: 32/TB-HĐTD

Cầu Giấy, ngày 16 tháng 01 năm 2025

THÔNG BÁO

Kết quả điểm thực hành, phỏng vấn (xét tuyển vòng 2) của thí sinh tham dự kỳ tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND quận Cầu Giấy năm 2024

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Nghị định 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 06/2020/TT-BNV ngày 02/12/2020 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế tổ chức thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; Nội quy thi tuyển, xét tuyển công chức, viên chức, thi nâng ngạch công chức, thi hoặc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND quận Cầu Giấy: Số 2868/QĐ-UBND ngày 07/10/2024 về việc phê duyệt chỉ tiêu và Kế hoạch tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND quận Cầu Giấy năm 2024; Số 3033/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 về việc thành lập Hội đồng tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND quận Cầu Giấy năm 2024 (sau đây gọi tắt là Hội đồng tuyển dụng);

Căn cứ kết quả kiểm tra, sát hạch đối với các thí sinh đã tham gia thực hành, phỏng vấn từ ngày 10/01/2025 đến hết ngày 12/01/2025,

Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024 thông báo:

1. Điểm thực hành, phỏng vấn (xét tuyển vòng 2) của thí sinh tham dự kỳ tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND quận Cầu Giấy năm 2024, tổng số: 390 thí sinh (Có Danh sách kèm theo);

Hội đồng tuyển dụng không thực hiện phúc khảo đối với kết quả điểm thi vấn đáp hoặc thực hành (theo quy định tại khoản 3 Điều 15 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ; đã được công bố tại Thông báo số 272/TB-UBND ngày 08/10/2024 của UBND quận Cầu Giấy về việc tổ chức tuyển dụng viên chức làm việc tại các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc UBND quận Cầu Giấy năm 2024).

2. Tổng số thí sinh không thực hiện thực hành, phỏng vấn: 203 thí sinh (trong đó vắng mặt: 202 thí sinh, có mặt tại địa điểm thi nhưng không thực hành: 01 thí sinh);

3. Thông báo này được đăng tại Cổng Thông tin điện tử quận Cầu Giấy (<https://caugiay.hanoi.gov.vn>), niêm yết tại trụ sở UBND quận Cầu Giấy và các đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng. Hội đồng tuyển dụng thông báo để các thí sinh được biết./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- HĐTD; Ban giám sát;
- Các đơn vị có chỉ tiêu tuyển dụng;
- Lưu: VT, HĐTD.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG



PHÓ CHỦ TỊCH UBND QUẬN
Trịnh Thị Dung

KẾT QUẢ THỰC HÀNH, PHÒNG VẤN XÉT TUYỂN VÒNG 2
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC QUẬN CẦU GIẤY NĂM 2024

Vị trí: Giáo viên mầm non

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
1	Ca 1	22	MN001	Nguyễn Thị Lan Anh	11/09/1994	Nữ	MN Quan Hoa		60.5	
2	Ca 1	22	MN002	Trần Thị Lan Anh	29/06/2001	Nữ	MN Quan Hoa		73	
3	Ca 1	22	MN003	Vũ Văn Anh	13/11/1999	Nữ	MN Hoa Hướng Dương		91	
4	Ca 1	22	MN004	Cần Thị Ngọc Ánh	27/09/1994	Nữ	MN Quan Hoa		84	
5	Ca 1	22	MN005	Nguyễn Thị Linh Chi	11/11/2002	Nữ	MN Nam Trung Yên		81	
6	Ca 1	22	MN006	Lý Thị Quỳnh Chi	02/10/2002	Nữ	MN Quan Hoa	DTTS		Bỏ thi
7	Ca 1	23	MN007	Nguyễn Thúy Chinh	15/12/2002	Nữ	MN Quan Hoa			Bỏ thi
8	Ca 1	23	MN008	Nguyễn Thị Dáng	01/02/1988	Nữ	MN Nam Trung Yên		90	
9	Ca 1	23	MN009	Lê Thị Diệu	16/08/1998	Nữ	MN Ánh Sao		86.5	
10	Ca 1	23	MN010	Nguyễn Thị Hồng Duyên	06/09/1991	Nữ	MN Hoa Hướng Dương			Bỏ thi
11	Ca 1	23	MN011	Nguyễn Thị Giang	02/02/1982	Nữ	MN Nam Trung Yên	CTB		Bỏ thi
12	Ca 1	23	MN012	Nguyễn Thị Thu Hà	03/02/1998	Nữ	MN Quan Hoa		94	
13	Ca 2	22	MN013	Nguyễn Việt Hà	09/05/1995	Nữ	MN Nam Trung Yên		49	
14	Ca 2	22	MN014	Trần Thị Việt Hà	01/02/2002	Nữ	MN Quan Hoa			Bỏ thi
15	Ca 2	22	MN015	Phan Thị Thúy Hằng	15/09/2003	Nữ	MN Quan Hoa		94	
16	Ca 2	22	MN016	Lê Thu Hiền	15/08/2002	Nữ	MN Nam Trung Yên		45	
17	Ca 2	22	MN017	Nguyễn Thu Hiền	09/09/1997	Nữ	MN Nam Trung Yên		92	
18	Ca 2	22	MN018	Nguyễn Thị Thanh Hòa	30/06/1998	Nữ	MN Nam Trung Yên		91	
19	Ca 2	23	MN019	Chu Thị Huân	20/09/1990	Nữ	MN Nam Trung Yên			Bỏ thi
20	Ca 2	23	MN020	Vũ Thị Huyền	10/05/1987	Nữ	MN Nam Trung Yên		94.5	
21	Ca 2	23	MN021	Nguyễn Thu Hương	13/07/1997	Nữ	MN Hoa Sen		92	
22	Ca 2	23	MN022	Phạm Thị Lan	18/11/1988	Nữ	MN Nam Trung Yên		77	
23	Ca 2	23	MN023	Nguyễn Thị Thanh Lâm	04/06/1999	Nữ	MN Nam Trung Yên			Bỏ thi
24	Ca 2	23	MN024	Nguyễn Thị Liên	09/01/1988	Nữ	MN Nam Trung Yên		69	
25	Ca 3	22	MN025	Khuất Thị Diệu Linh	06/04/1990	Nữ	MN Dịch Vọng Hậu		90	

Vị trí: Giáo viên mầm non

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
26	Ca 3	22	MN026	Lê Thị Thùy Linh	14/04/1992	Nữ	MN Nam Trung Yên		90	
27	Ca 3	22	MN027	Hoàng Thị Lý	11/05/1986	Nữ	MN Hoa Hướng Dương		70	
28	Ca 3	22	MN028	Nguyễn Thị Lý	14/04/1997	Nữ	MN Dịch Vọng Hậu		86	
29	Ca 3	22	MN029	Trần Thị Ngọc Mai	24/09/2001	Nữ	MN Dịch Vọng Hậu			Bỏ thi
30	Ca 3	22	MN030	Nguyễn Thị Mai	26/04/1991	Nữ	MN Nam Trung Yên		89	
31	Ca 3	23	MN031	Nguyễn Thị Minh	03/08/1986	Nữ	MN Nam Trung Yên		79	
32	Ca 3	23	MN032	Nguyễn Hà My	15/09/1992	Nữ	MN Nam Trung Yên		94	
33	Ca 3	23	MN033	Phạm Thị Hồng Ngọc	11/06/1999	Nữ	MN Quan Hoa		88.5	
34	Ca 3	23	MN034	Trần Thị Hồng Ngọc	07/01/2001	Nữ	MN Hoa Sen		89	
35	Ca 3	23	MN035	Nguyễn Thị Oanh	08/03/1989	Nữ	MN Hoa Hướng Dương		79	
36	Ca 3	23	MN036	Phạm Thị Thắm	09/03/1993	Nữ	MN Hoa Hướng Dương		94	
37	Ca 4	22	MN037	Nguyễn Thị Thu	03/08/1987	Nữ	MN Ánh Sao		76	
38	Ca 4	22	MN038	Trần Thị Thùy	19/11/1998	Nữ	MN Quan Hoa		85.5	
39	Ca 4	22	MN039	Nguyễn Thị Minh Thư	13/11/1984	Nữ	MN Hoa Hướng Dương			Bỏ thi
40	Ca 4	22	MN040	Phạm Thị Thương	01/04/1998	Nữ	MN Hoa Hướng Dương		82	
41	Ca 4	22	MN041	Ngô Thu Trang	24/09/1988	Nữ	MN Ánh Sao		93.5	
42	Ca 4	23	MN042	Lê Thị Thùy Trang	18/10/2000	Nữ	MN Hoa Sen		94	
43	Ca 4	23	MN043	Nguyễn Thị Tuyên	19/04/1987	Nữ	MN Hoa Sen		79.5	
44	Ca 4	23	MN044	Lường Thị Tuyết	12/02/1994	Nữ	MN Nam Trung Yên	DTTS	66	
45	Ca 4	23	MN045	Nguyễn Thị Kim Uyên	20/11/1999	Nữ	MN Hoa Hướng Dương		92.5	
46	Ca 4	23	MN046	Nguyễn Thị Yến	27/10/2001	Nữ	MN Dịch Vọng Hậu		84	

Danh sách này có 46 người

KẾT QUẢ THỰC HÀNH, PHÒNG VẤN XÉT TUYỂN VÒNG 2
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC QUẬN CẦU GIẤY NĂM 2024

Vị trí: Giáo viên Ngữ văn

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
1	Ca 1	14	V001	Phạm Hồng Anh	15/05/2001	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
2	Ca 1	14	V002	Trần Hà Minh Anh	30/04/2000	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
3	Ca 1	14	V003	Lê Minh Anh	09/04/2000	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		73	
4	Ca 1	14	V004	Nguyễn Ngọc Anh	18/11/1999	Nữ	THCS Dịch Vọng		61	
5	Ca 1	14	V005	Nguyễn Thị Bình	25/06/1995	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
6	Ca 1	14	V006	Đỗ Hồng Chi	21/06/1999	Nữ	THCS Mai Dịch		91	
7	Ca 1	15	V007	Nguyễn Thị Chúc	08/02/2001	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
8	Ca 1	15	V008	Lê Chí Công	22/12/2001	Nam	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
9	Ca 1	15	V009	Phạm Thị Dự	28/06/1986	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		72	
10	Ca 1	15	V010	Doãn Thị Hoàng Giang	08/08/1999	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		62	
11	Ca 1	15	V011	Nguyễn Khánh Giang	18/01/2000	Nữ	THCS Trương Công Giai		81	
12	Ca 1	15	V012	Trần Thị Giang	18/10/1996	Nữ	THCS Mai Dịch			Bỏ thi
13	Ca 1	16	V013	Hoàng Thu Hà	15/08/2002	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		59.8	
14	Ca 1	16	V014	Vũ Thị Bích Hạnh	18/04/1999	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
15	Ca 1	16	V015	Nguyễn Hồng Hạnh	28/11/2002	Nữ	THCS Trương Công Giai		50	
16	Ca 1	16	V016	Nguyễn Thị Hằng	26/08/2000	Nữ	THCS Trương Công Giai		75.8	
17	Ca 1	16	V017	Phan Thị Hằng	27/07/1987	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		65	
18	Ca 1	16	V018	Nghiêm Thu Hằng	21/12/1995	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		74.5	
19	Ca 2	14	V019	Nguyễn Thị Hiền	12/04/1998	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
20	Ca 2	14	V020	Vũ Thị Hiền	27/05/2000	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
21	Ca 2	14	V021	Nguyễn Thị Hoà	14/12/1999	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
22	Ca 2	14	V022	Nguyễn Minh Hòa	28/12/1999	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		77	
23	Ca 2	14	V023	Trần Đức Huy	18/01/2002	Nam	THCS Trương Công Giai		65	
24	Ca 2	15	V024	Nguyễn Quốc Hùng	28/07/1996	Nam	THCS Dịch Vọng			Bỏ thi

KẾT QUẢ THỰC HÀNH, PHÒNG VẤN XÉT TUYỂN VÒNG 2
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC QUẬN CẦU GIẤY NĂM 2024

Vị trí: Giáo viên Ngữ văn

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Điện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
25	Ca 2	15	V025	Lê Thị Diễm Hương	27/07/1994	Nữ	THCS Mai Dịch		60	
26	Ca 2	15	V026	Nguyễn Lan Hương	14/11/1987	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
27	Ca 2	15	V027	Nguyễn Thị Minh Hương	22/03/2002	Nữ	THCS Trương Công Giai		66	
28	Ca 2	15	V028	Ma Thị Nguyệt Kiều	18/12/2002	Nữ	THCS Trương Công Giai	DTTS	62	
29	Ca 2	16	V029	Nguyễn Thị Kiều	30/03/1999	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
30	Ca 2	16	V030	Phùng Thị Lam	11/09/1994	Nữ	THCS Trần Duy Hưng	DTTS	55	
31	Ca 2	16	V031	Đỗ Hải Linh	02/09/1997	Nữ	THCS Dịch Vọng		59	
32	Ca 2	16	V032	Nguyễn Thị Thanh Lương	05/09/2002	Nữ	THCS Trương Công Giai		66	
33	Ca 2	16	V033	Tạ Thị Diệu Ly	16/03/1997	Nữ	THCS Dịch Vọng			Bỏ thi
34	Ca 3	14	V034	Lê Hồng Minh	27/01/1999	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
35	Ca 3	14	V035	Hoàng Thị Minh	07/11/1989	Nữ	THCS Dịch Vọng			Bỏ thi
36	Ca 3	14	V036	Đỗ Thị Mơ	04/03/1995	Nữ	THCS Mai Dịch		69	
37	Ca 3	14	V037	Nguyễn Trà My	26/04/2000	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		71	
38	Ca 3	14	V038	Phùng Thị Anh Ngọc	17/01/1989	Nữ	THCS Mai Dịch		69	
39	Ca 3	14	V039	Nguyễn Thị Bích Ngọc	29/03/1996	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		85	
40	Ca 3	15	V040	Mai Hồng Ngọc	30/09/2002	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
41	Ca 3	15	V041	Đỗ Thị Minh Ngọc	23/09/2001	Nữ	THCS Mai Dịch		60	
42	Ca 3	15	V042	Trần Thị Ngọc	08/03/1993	Nữ	THCS Dịch Vọng		61	
43	Ca 3	15	V043	Nguyễn Vũ Vân Ngọc	18/11/2002	Nữ	THCS Trương Công Giai		55	
44	Ca 3	15	V044	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	15/03/1998	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		51	
45	Ca 3	15	V045	Nguyễn Hồng Nhung	25/10/1999	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
46	Ca 3	16	V046	Trịnh Hồng Nhung	20/10/1982	Nữ	THCS Trương Công Giai		69	
47	Ca 3	16	V047	Phạm Thị Như	26/09/1999	Nữ	THCS Mai Dịch		60	
48	Ca 3	16	V048	Phạm Thị Nuôi	03/10/2002	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi

Vị trí: Giáo viên Ngữ văn

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
49	Ca 3	16	V049	Bùi Đình Oanh	12/12/2000	Nam	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
50	Ca 3	16	V050	Nguyễn Thị Minh Phú	10/08/1992	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
51	Ca 4	14	V051	Phạm Thị Phương	14/12/1999	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
52	Ca 4	14	V052	Trần Đông Quế	14/12/2001	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		85	
53	Ca 4	14	V053	Phùng Thanh Quỳnh	13/02/1998	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		85	
54	Ca 4	14	V054	Lê Thị Thúy Quỳnh	07/11/2001	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
55	Ca 4	14	V055	Nguyễn Minh Thanh	03/12/1989	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		69	
56	Ca 4	15	V056	Đoàn Thị Phương Thảo	15/07/2000	Nữ	THCS Trương Công Giai		74	
57	Ca 4	15	V057	Nguyễn Phương Thảo	18/12/2002	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		61	
58	Ca 4	15	V058	SỐ BÁO DANH TRỎNG DO CẬP NHẬT, ĐIỀU CHỈNH DANH SÁCH THÍ SINH						
59	Ca 4	15	V059	Đỗ Thạch Thảo	26/05/1998	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
60	Ca 4	15	V060	Bùi Thị Thêu	09/03/1999	Nữ	THCS Dịch Vọng	CBB	79	
61	Ca 4	16	V061	Hoàng Gia Thuận	03/10/1999	Nam	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
62	Ca 4	16	V062	Bùi Thị Thùy	16/03/1987	Nữ	THCS Trần Duy Hưng	DTTS		Bỏ thi
63	Ca 4	16	V063	Nguyễn Hà Thư	09/10/2002	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
64	Ca 4	16	V064	Nguyễn Thị Thanh Thư	18/05/2000	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		81.5	
65	Ca 4	16	V065	Trần Ngọc Thức	04/01/2001	Nam	THCS Trần Duy Hưng		76	
66	Ca 5	14	V066	Bùi Thị Hạnh Trang	19/10/2000	Nữ	THCS Trương Công Giai		84	
67	Ca 5	14	V067	Phan Huyền Trang	13/10/2001	Nữ	THCS Trương Công Giai		83	
68	Ca 5	14	V068	Nguyễn Thị Thu Trang	17/01/1998	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		73	
69	Ca 5	14	V069	Nguyễn Thùy Trang	15/08/2001	Nữ	THCS Mai Dịch			Bỏ thi
70	Ca 5	14	V070	Đinh Thanh Vân	09/06/2001	Nữ	THCS Trương Công Giai		67	
71	Ca 6	14	V071	Hoàng Thanh Vân	05/06/2001	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
72	Ca 6	14	V072	Đào Thị Vui	19/12/2002	Nữ	THCS Dịch Vọng		66	

Vị trí: Giáo viên Ngữ văn

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
73	Ca 6	14	V073	Nguyễn Thị Hương Xuân	03/06/1992	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		82	
74	Ca 6	14	V074	Dương Thị Xuân	30/08/1995	Nữ	THCS Dịch Vọng		70	
75	Ca 6	14	V075	Nguyễn Thị Hải Yến	16/08/1996	Nữ	THCS Trương Công Giai		72	

Danh sách này có 75 người

Vị trí: Giáo viên Toán học

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
1	Ca 1	1	T001	Nguyễn Hoàng Huyền Anh	10/10/2002	Nữ	THCS Dịch Vọng		61	
2	Ca 1	1	T002	Ngô Kiều Anh	12/05/2001	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
3	Ca 1	1	T003	Hà Lan Anh	16/08/1995	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		66	
4	Ca 1	1	T004	Mai Thị Lan Anh	30/04/2001	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
5	Ca 1	1	T005	Lê Thị Mai Anh	11/09/1995	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
6	Ca 1	1	T006	Đỗ Minh Anh	10/06/2002	Nữ	THCS Trương Công Giai		60	
7	Ca 1	2	T007	Nguyễn Thị Minh Anh	02/03/2000	Nữ	THCS Yên Hòa			Bỏ thi
8	Ca 1	2	T008	Nguyễn Ngọc Anh	01/04/2002	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
9	Ca 1	2	T009	Phạm Ngọc Anh	03/12/2002	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		66	
10	Ca 1	2	T010	Đinh Thị Ngọc Anh	06/08/1996	Nữ	THCS Trương Công Giai		69	
11	Ca 1	2	T011	Trần Thị Ngọc Anh	02/09/1994	Nữ	THCS Yên Hòa		77	
12	Ca 1	2	T012	Lê Phương Anh	23/09/2002	Nữ	THCS Dịch Vọng		69	
13	Ca 1	3	T013	Bùi Thị Phương Anh	15/09/2001	Nữ	THCS Trương Công Giai		59	
14	Ca 1	3	T014	Trần Phương Anh	06/05/1997	Nữ	THCS Yên Hòa		54.5	
15	Ca 1	3	T015	Ngô Quỳnh Anh	15/06/2002	Nữ	THCS Mai Dịch		58	
16	Ca 1	3	T016	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	01/12/2000	Nữ	THCS Trương Công Giai		49.3	
17	Ca 1	3	T017	Nguyễn Tuấn Anh	11/01/1987	Nam	THCS Trần Duy Hưng		81	
18	Ca 1	3	T018	Hà Thị Vân Anh	06/03/2002	Nữ	THCS Nghĩa Tân			Bỏ thi
19	Ca 1	4	T019	Vũ Thị Vân Anh	24/11/1996	Nữ	THCS Trung Hòa		68	
20	Ca 1	4	T020	Nguyễn Ngọc Ánh	29/11/2002	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		55.5	
21	Ca 1	4	T021	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	10/08/2001	Nữ	THCS Nghĩa Tân			Bỏ thi
22	Ca 1	4	T022	Tô Gia Cẩn	11/10/1993	Nam	THCS Trần Duy Hưng		54.5	
23	Ca 1	4	T023	Nguyễn Hà Chi	08/09/2001	Nữ	THCS Mai Dịch			Bỏ thi
24	Ca 1	4	T024	Trần Quỳnh Chi	07/09/2002	Nữ	THCS Trương Công Giai		53.5	

KẾT QUẢ THỰC HÀNH, PHÒNG VẤN XÉT TUYỂN VÒNG 2
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC QUẬN CẦU GIẤY NĂM 2024

Vị trí: Giáo viên Toán học

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
25	Ca 1	5	T025	Nguyễn Đỗ Chiến	27/12/1983	Nam	THCS Nghĩa Tân		82	
26	Ca 1	5	T026	Đặng Thị Chinh	31/07/1996	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		70	
27	Ca 1	5	T027	Nguyễn Mạnh Cường	04/05/1996	Nam	THCS Trung Hòa		82	
28	Ca 1	5	T028	Phạm Việt Cường	07/05/2001	Nam	THCS Trương Công Giai		51	
29	Ca 1	5	T029	Hoàng Thị Dung	15/05/1987	Nữ	THCS Trần Duy Hưng	CBB	55	
30	Ca 1	5	T030	Đinh Thị Tuyết Dung	20/02/1989	Nữ	THCS Nghĩa Tân		55	
31	Ca 2	1	T031	Trần Quang Duy	31/12/2001	Nam	THCS Trương Công Giai		68	
32	Ca 2	1	T032	Trần Khánh Dương	21/09/2002	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
33	Ca 2	1	T033	Vũ Thị Dương	28/08/1995	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
34	Ca 2	1	T034	Nguyễn Ngọc Đức	13/02/1992	Nam	THCS Mai Dịch		80	
35	Ca 2	1	T035	Cao Trần Đức	14/10/1999	Nam	THCS Trung Hòa		83	
36	Ca 2	1	T036	Nguyễn Trí Đức	08/10/2002	Nam	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
37	Ca 2	2	T037	Nguyễn Văn Đức	20/07/1993	Nam	THCS Dịch Vọng		78.5	
38	Ca 2	2	T038	Lê Việt Đức	28/10/2001	Nam	THCS Mai Dịch			Bỏ thi
39	Ca 2	2	T039	Vũ Thanh Hà	27/04/1988	Nữ	THCS Trương Công Giai	CĐCĐ		Bỏ thi
40	Ca 2	2	T040	Dương Thái Hà	15/02/1999	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		87	
41	Ca 2	2	T041	Phạm Thu Hà	26/02/1994	Nữ	THCS Lê Quý Đôn			Bỏ thi
42	Ca 2	2	T042	Đỗ Thị Thu Hà	14/04/2000	Nữ	THCS Nghĩa Tân		69.5	
43	Ca 2	3	T043	Trần Thu Hà	28/09/1995	Nữ	THCS Trương Công Giai		85	
44	Ca 2	3	T044	Nguyễn Việt Hà	13/12/1998	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		90	
45	Ca 2	3	T045	Vũ Việt Hà	25/03/1996	Nữ	THCS Lê Quý Đôn		68	
46	Ca 2	3	T046	Vũ Hữu Hào	20/09/2000	Nam	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
47	Ca 2	3	T047	Ngô Thị Hạnh	16/12/1991	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
48	Ca 2	3	T048	Trần Thị Hạnh	10/10/1983	Nữ	THCS Trung Hòa			Bỏ thi

KẾT QUẢ THỰC HÀNH, PHÒNG VẤN XÉT TUYỂN VÒNG 2
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC QUẬN CẦU GIẤY NĂM 2024

Vị trí: Giáo viên Toán học

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
49	Ca 2	4	T049	Lê Minh Hằng	27/02/1998	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		74	
50	Ca 2	4	T050	Nguyễn Thanh Hằng	28/02/2002	Nữ	THCS Dịch Vọng		41	
51	Ca 2	4	T051	Chu Thị Hằng	01/12/2001	Nữ	THCS Lê Quý Đôn			Bỏ thi
52	Ca 2	4	T052	Vũ Thị Hằng	09/02/1994	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		51	
53	Ca 2	4	T053	Nguyễn Thị Thu Hằng	25/10/2002	Nữ	THCS Trung Hòa			Bỏ thi
54	Ca 2	4	T054	Nguyễn Thị Thúy Hằng	23/12/1996	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
55	Ca 2	5	T055	Nguyễn Thị Hiền	20/10/1996	Nữ	THCS Mai Dịch		67	
56	Ca 2	5	T056	Đinh Thu Hiền	09/12/1988	Nữ	THCS Trung Hòa		50	
57	Ca 2	5	T057	Nguyễn Minh Hiếu	23/08/2002	Nam	THCS Trần Duy Hưng		53	
58	Ca 2	5	T058	Trần Thị Hoa	02/09/1995	Nữ	THCS Nghĩa Tân			Bỏ thi
59	Ca 2	5	T059	Lê Thu Hoài	10/04/1989	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		55	
60	Ca 2	5	T060	Lê Thị Thu Hoài	16/02/1993	Nữ	THCS Trung Hòa		55	
61	Ca 3	1	T061	Nguyễn Thế Huy Hoàng	14/10/2002	Nam	THCS Trương Công Giai		53	
62	Ca 3	1	T062	Nguyễn Thị Minh Hòa	30/07/2002	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		20	
63	Ca 3	1	T063	Nguyễn Thị Hòa	25/12/1999	Nữ	THCS Trương Công Giai	CBB	61	
64	Ca 3	1	T064	Nguyễn Thị Hồng	21/05/1994	Nữ	THCS Nghĩa Tân			Bỏ thi
65	Ca 3	1	T065	Tào Hữu Huy	11/07/1999	Nam	THCS Trương Công Giai		63	
66	Ca 3	1	T066	Nguyễn Quang Huy	20/12/1993	Nam	THCS Trần Duy Hưng		53	
67	Ca 3	2	T067	Nguyễn Văn Huy	16/08/1995	Nam	THCS Trần Duy Hưng		60	
68	Ca 3	2	T068	Lê Khánh Huyền	02/08/1998	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
69	Ca 3	2	T069	Hoàng Thị Khánh Huyền	20/03/2000	Nữ	THCS Trung Hòa		84	
70	Ca 3	2	T070	Trần Thị Minh Huyền	05/10/1991	Nữ	THCS Nghĩa Tân		55	
71	Ca 3	2	T071	Lê Thị Thanh Huyền	06/08/1997	Nữ	THCS Lê Quý Đôn		82	
72	Ca 3	2	T072	Trần Thị Thanh Huyền	21/11/1998	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi

Vị trí: Giáo viên Toán học

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
73	Ca 3	3	T073	Vũ Thanh Huyền	22/11/2002	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
74	Ca 3	3	T074	Hoàng Thị Huyền	04/09/1995	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		66	
75	Ca 3	3	T075	Nguyễn Thị Huyền	11/10/2001	Nữ	THCS Mai Dịch			Bỏ thi
76	Ca 3	3	T076	Nguyễn Thị Huyền	09/06/1993	Nữ	THCS Trung Hòa			Bỏ thi
77	Ca 3	3	T077	Dương Thị Thu Huyền	11/12/2002	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		50	
78	Ca 3	3	T078	Phạm Lan Hương	04/12/2000	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
79	Ca 3	4	T079	Ngô Thị Lan hương	02/06/1993	Nữ	THCS Nghĩa Tân		52.5	
80	Ca 3	4	T080	Bùi Thị Mai Hương	25/05/1999	Nữ	THCS Trương Công Giai		55	
81	Ca 3	4	T081	Bùi Thu Hương	07/12/1996	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		50	
82	Ca 3	4	T082	Hồ Thị Thu Hương	15/08/2000	Nữ	THCS Nghĩa Tân			Bỏ thi
83	Ca 3	4	T083	Nguyễn Thị Thu Hương	14/01/2002	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
84	Ca 3	4	T084	Nguyễn Thị Thu Hương	28/08/1996	Nữ	THCS Mai Dịch		59	
85	Ca 3	5	T085	Trần Thị Hường	14/12/1993	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
86	Ca 3	5	T086	Trần Thị Hường	14/10/1995	Nữ	THCS Lê Quý Đôn		54.5	
87	Ca 3	5	T087	Nguyễn Cao Khánh	07/05/1998	Nam	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
88	Ca 3	5	T088	Hoàng Lê Tùng Lâm	16/12/1992	Nam	THCS Lê Quý Đôn			Bỏ thi
89	Ca 3	5	T089	Phạm Thị Liễu	25/08/1988	Nữ	THCS Nghĩa Tân		88.5	
90	Ca 3	5	T090	Nguyễn Thị Diệp Linh	12/09/1998	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
91	Ca 4	1	T091	Nguyễn Diệu Linh	25/12/1992	Nữ	THCS Mai Dịch	CTB	54	
92	Ca 4	1	T092	Hà Khánh Linh	17/03/2002	Nữ	THCS Lê Quý Đôn			Bỏ thi
93	Ca 4	1	T093	Hoàng Phương Linh	21/08/2002	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
94	Ca 4	1	T094	Nguyễn Thùy Linh	25/09/2001	Nữ	THCS Yên Hòa			Bỏ thi
95	Ca 4	1	T095	Lê Thị Thùy Linh	12/12/1996	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		56	
96	Ca 4	1	T096	Vũ Thùy Linh	14/10/1994	Nữ	THCS Yên Hòa			Bỏ thi

Vị trí: Giáo viên Toán học

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
97	Ca 4	2	T097	Lê Hải Ly	16/09/2000	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
98	Ca 4	2	T098	Bùi Khánh Ly	30/06/1998	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		51	
99	Ca 4	2	T099	Nguyễn Thị Khánh Ly	18/11/2000	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		53	
100	Ca 4	2	T100	Đặng Thu Ly	02/12/2001	Nữ	THCS Mai Dịch		54.5	
101	Ca 4	2	T101	Đỗ Thị Quỳnh Mai	14/10/1994	Nữ	THCS Trung Hòa			Bỏ thi
102	Ca 4	2	T102	Nguyễn Thị Thanh Mai	18/08/2000	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		84	
103	Ca 4	3	T103	Đinh Thị Tuyết Mai	28/07/1994	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
104	Ca 4	3	T104	Trần Thị Mận	14/06/1989	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
105	Ca 4	3	T105	Cần Thị Mến	17/10/1992	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		82.5	
106	Ca 4	3	T106	Đàm Quang Minh	09/12/2001	Nam	THCS Nghĩa Tân			Bỏ thi
107	Ca 4	3	T107	Bùi Trà My	12/10/2001	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		48	
108	Ca 4	3	T108	Nguyễn Thị Ánh Nga	08/09/1995	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
109	Ca 4	4	T109	Phạm Thị Quỳnh Nga	31/12/1991	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		70	
110	Ca 4	4	T110	Nguyễn Thanh Nga	10/11/2001	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
111	Ca 4	4	T111	Nguyễn Thanh Nga	20/08/2002	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		51	
112	Ca 4	4	T112	Nguyễn Thị Thanh Nga	25/01/1996	Nữ	THCS Trương Công Giai		60	
113	Ca 4	4	T113	Nguyễn Thị Nga	05/11/1990	Nữ	THCS Trung Hòa		69	
114	Ca 4	4	T114	Đỗ Thị Thúy Nga	05/01/1987	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
115	Ca 4	5	T115	Hà Thị Ngoan	26/09/1991	Nữ	THCS Mai Dịch	CBB	51	
116	Ca 4	5	T116	Vũ Bảo Ngọc	24/07/2000	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		51	
117	Ca 4	5	T117	Nguyễn Thị Bích Ngọc	30/03/1996	Nữ	THCS Lê Quý Đôn			Bỏ thi
118	Ca 4	5	T118	Kiều Yến Nhi	13/11/2001	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		62	
119	Ca 4	5	T119	Nguyễn Hồng Nhung	17/11/1993	Nữ	THCS Lê Quý Đôn		57	
120	Ca 4	5	T120	Lê Thị Hồng Nhung	20/11/1999	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		51	

Vị trí: Giáo viên Toán học

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
121	Ca 5	1	T121	Phạm Thị Hồng Nhung	04/11/1994	Nữ	THCS Trương Công Giai		55	
122	Ca 5	1	T122	Chữ Thị Trang Nhung	04/07/2001	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
123	Ca 5	1	T123	Nguyễn Thị Oanh	01/03/1998	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		71	
124	Ca 5	1	T124	Phạm Ngọc Phú	07/07/2002	Nam	THCS Trương Công Giai		80	
125	Ca 5	1	T125	Nguyễn Thị Hà Phương	14/04/1994	Nữ	THCS Mai Dịch		54.5	
126	Ca 5	1	T126	Nguyễn Thị Minh Phương	12/06/1996	Nữ	THCS Trương Công Giai		60	
127	Ca 5	2	T127	Cao Thanh Phương	24/09/1998	Nữ	THCS Yên Hòa			Bỏ thi
128	Ca 5	2	T128	Phạm Thanh Phương	26/01/2001	Nam	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
129	Ca 5	2	T129	Trần Hồng Phượng	28/04/1996	Nữ	THCS Mai Dịch		73	
130	Ca 5	2	T130	Phượng Thị Phượng	15/05/1996	Nữ	THCS Trương Công Giai		53.5	
131	Ca 5	2	T131	Nguyễn Hương Quỳnh	14/03/1999	Nữ	THCS Nghĩa Tân		50	
132	Ca 5	2	T132	Nguyễn Trịnh Tam	01/04/2002	Nam	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
133	Ca 5	3	T133	Nguyễn Duy Tài	11/08/1996	Nam	THCS Nghĩa Tân		78	
134	Ca 5	3	T134	Nguyễn Thị Minh Tâm	24/10/2002	Nữ	THCS Trung Hòa			Bỏ thi
135	Ca 5	3	T135	Lương Thị Tâm	29/12/1994	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
136	Ca 5	3	T136	Tăng Ngọc Thanh	22/07/2001	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
137	Ca 5	3	T137	Đặng Thị Thanh	30/09/2001	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
138	Ca 5	3	T138	Đinh Thị Thanh	29/03/1994	Nữ	THCS Trung Hòa		73	
139	Ca 5	4	T139	Nguyễn Thị Thanh	03/01/1995	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
140	Ca 5	4	T140	Nguyễn Thị Bích Thảo	16/02/1995	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		56	
141	Ca 5	4	T141	Đoàn Thị Thảo	07/03/1999	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		52	
142	Ca 5	4	T142	Lê Thị Thảo	29/06/1994	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
143	Ca 5	4	T143	Phạm Hoàng Thịnh	18/07/1996	Nam	THCS Dịch Vọng		80	
144	Ca 5	4	T144	Trần Toàn Thịnh	09/05/2002	Nam	THCS Nghĩa Tân			Bỏ thi

Vị trí: Giáo viên Toán học

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
145	Ca 5	5	T145	Nguyễn Minh Thu	05/10/1999	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
146	Ca 5	5	T146	Nguyễn Thị Phương Thu	03/10/2002	Nữ	THCS Dịch Vọng		56	
147	Ca 5	5	T147	Vũ Thị Thanh Thủy	23/02/2002	Nữ	THCS Lê Quý Đôn			Bỏ thi
148	Ca 5	5	T148	Nguyễn Anh Thư	15/04/2001	Nữ	THCS Mai Dịch			Bỏ thi
149	Ca 5	5	T149	Nguyễn Hoài Thương	01/06/2002	Nữ	THCS Trương Công Giai		53	
150	Ca 5	5	T150	Nguyễn Anh Tiến	07/11/1992	Nam	THCS Mai Dịch		50	
151	Ca 6	1	T151	Đỗ Việt Tiến	23/11/1999	Nam	THCS Dịch Vọng			Bỏ thi
152	Ca 6	1	T152	Nguyễn Mạnh Toàn	05/12/1993	Nam	THCS Trần Duy Hưng		55	
153	Ca 6	1	T153	Hoàng Hà Trang	31/01/2000	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		70	
154	Ca 6	1	T154	Nguyễn Huyền Trang	29/10/1998	Nữ	THCS Trương Công Giai		80.5	
155	Ca 6	1	T155	Đào Thị Huyền Trang	23/09/1995	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
156	Ca 6	1	T156	Nguyễn Thị Huyền Trang	24/10/1989	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		56	
157	Ca 6	2	T157	Phí Kim Trang	15/10/2000	Nữ	THCS Nghĩa Tân		56	
158	Ca 6	2	T158	Đàm Quỳnh Trang	06/01/2001	Nữ	THCS Yên Hòa		87	
159	Ca 6	2	T159	Đào Thị Trang	28/04/1999	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		55	
160	Ca 6	2	T160	Nguyễn Thị Thu Trang	17/03/2002	Nữ	THCS Trung Hòa			Bỏ thi
161	Ca 6	2	T161	Trương Thu Trang	13/01/1998	Nữ	THCS Trung Hòa		82	
162	Ca 6	3	T162	Lưu Huệ Trân	10/03/2002	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
163	Ca 6	3	T163	Phạm Minh Tuấn	20/11/2002	Nam	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
164	Ca 6	3	T164	Lê Thị Minh Huệ	07/07/1996	Nữ	THCS Mai Dịch		50.5	
165	Ca 6	3	T165	Bùi Thị Kim Tuyến	21/10/1995	Nữ	THCS Trung Hòa			Bỏ thi
166	Ca 6	3	T166	Nguyễn Bảo Uyên	30/05/2001	Nữ	THCS Trung Hòa			Bỏ thi
167	Ca 6	4	T167	Nguyễn Thị Phương Uyên	17/05/1999	Nữ	THCS Trương Công Giai		77	
168	Ca 6	4	T168	Nguyễn Thị Thu Uyên	09/11/2002	Nữ	THCS Lê Quý Đôn			Bỏ thi

Vị trí: Giáo viên Toán học

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
169	Ca 6	4	T169	Đinh Thị Hồng Vân	26/07/1989	Nữ	THCS Trung Hòa		67	
170	Ca 6	4	T170	Bùi Thị Vân	22/04/1992	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
171	Ca 6	4	T171	Nguyễn Thị Vinh	12/02/1991	Nữ	THCS Nghĩa Tân		66	
172	Ca 6	5	T172	Nguyễn Thị Vinh	19/09/1989	Nữ	THCS Mai Dịch		52.5	
173	Ca 6	5	T173	Phạm Thị Vinh	10/06/1993	Nữ	THCS Mai Dịch		82	
174	Ca 6	5	T174	Trần Thị Trà Vy	05/08/1998	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		69	
175	Ca 6	5	T175	Lê Hải Yến	30/05/1997	Nữ	THCS Trương Công Giai		70	
176	Ca 6	5	T176	Nguyễn Hải Yến	27/10/1997	Nữ	THCS Mai Dịch			Bỏ thi

Danh sách này có 176 người



KẾT QUẢ THỰC HÀNH, PHÒNG VẤN XÉT TUYỂN VÒNG 2
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC QUẬN CẦU GIẤY NĂM 2024

Vị trí: Giáo viên Tiếng Anh

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
1	Ca 1	6	A001	Phạm Hà An	31/08/1999	Nữ	THCS Nghĩa Tân		88.5	
2	Ca 1	6	A002	Phạm Châu Anh	15/08/2002	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		65.5	
3	Ca 1	6	A003	Đỗ Hải Anh	14/02/2000	Nữ	THCS Trung Hòa		78.5	
4	Ca 1	6	A004	Nguyễn Thị Hoài Anh	15/01/1996	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		80	
5	Ca 1	6	A005	Phạm Mai Anh	10/10/1999	Nữ	THCS Nghĩa Tân			Bỏ thi
6	Ca 1	6	A006	Nguyễn Thị Minh Anh	02/06/2000	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
7	Ca 1	7	A007	Lại Thị Ngọc Anh	26/06/2002	Nữ	THCS Trương Công Giai		74.5	
8	Ca 1	7	A008	Nguyễn Thị Trâm Anh	12/11/1992	Nữ	THCS Trương Công Giai		72	
9	Ca 1	7	A009	Thiều Nguyễn Ngọc Ánh	13/09/2000	Nữ	THCS Trương Công Giai		79	
10	Ca 1	7	A010	Trần Ánh Ngọc Bích	04/02/2002	Nữ	THCS Mai Dịch		73	
11	Ca 1	7	A011	Lê Thị Minh Châu	26/07/2000	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		76.5	
12	Ca 1	7	A012	Nguyễn Thị Khánh Chi	14/11/1999	Nữ	THCS Nam Trung Yên			Bỏ thi
13	Ca 1	8	A013	Trần Kim Chi	22/07/2001	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
14	Ca 1	8	A014	Nguyễn Thị Linh Chi	22/06/1995	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
15	Ca 1	8	A015	Đỗ Mai Chi	15/12/1998	Nữ	THCS Lê Quý Đôn		87.5	
16	Ca 1	8	A016	Nguyễn Thị Tuyết Chinh	27/10/1990	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		79.8	
17	Ca 1	8	A017	Phạm Thị Chung	10/10/1979	Nữ	THCS Trương Công Giai	CĐCĐ	55	
18	Ca 1	8	A018	Nguyễn Thị Dịu	11/11/1998	Nữ	THCS Mai Dịch		70	
19	Ca 2	6	A019	Nguyễn Ngọc Dung	20/04/2001	Nữ	THCS Trương Công Giai		74	
20	Ca 2	6	A020	Nguyễn Thị Thùy Dung	31/01/1993	Nữ	THCS Mai Dịch		86	
21	Ca 2	6	A021	Trần Thị Thùy Dung	06/11/2000	Nữ	THCS Dịch Vọng		71	
22	Ca 2	6	A022	Nguyễn Hương Giang	03/12/2001	Nữ	THCS Trương Công Giai		77	
23	Ca 2	6	A023	Tạ Hương Giang	13/12/2000	Nữ	THCS Trương Công Giai		80	
24	Ca 2	6	A024	Lưu Trà Giang	22/03/1994	Nữ	THCS Mai Dịch		69	
25	Ca 2	7	A025	Tạ Minh Hà	06/10/2000	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		73.5	

KẾT QUẢ THỰC HÀNH, PHÒNG VẤN XÉT TUYỂN VÒNG 2
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC QUẬN CẦU GIẤY NĂM 2024

Vị trí: Giáo viên Tiếng Anh

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
26	Ca 2	7	A026	Nguyễn Thị Thái Hà	07/06/2000	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		87	
27	Ca 2	7	A027	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	07/01/1995	Nữ	THCS Nam Trung Yên		71	
28	Ca 2	7	A028	Vũ Minh Hạnh	01/03/2001	Nữ	THCS Nam Trung Yên		57	
29	Ca 2	7	A029	Chu Thị Phương Hạnh	31/12/1991	Nữ	THCS Nam Trung Yên		85.5	
30	Ca 2	7	A030	Vũ Thị Thu Hằng	18/01/1993	Nữ	THCS Nghĩa Tân		68	
31	Ca 2	8	A031	Ngô Diệu Hiền	12/11/1995	Nữ	THCS Trương Công Giai		72	
32	Ca 2	8	A032	Trần Thị Ánh Hiệp	25/01/2001	Nữ	THCS Trương Công Giai		69.5	
33	Ca 2	8	A033	Đỗ Thanh Hoa	24/01/1992	Nữ	THCS Trương Công Giai		87	
34	Ca 2	8	A034	Tạ Thị Hoa	05/01/1990	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		86	
35	Ca 2	8	A035	Nguyễn Thị Hòa	11/11/1984	Nữ	THCS Trung Hòa	DTTS	75	
36	Ca 2	8	A036	Vũ Thị Hồng	06/09/1987	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
37	Ca 3	6	A037	Nguyễn Thu Huyền	01/08/1998	Nữ	THCS Trương Công Giai		79	
38	Ca 3	6	A038	Nguyễn Thu Hương	27/08/1999	Nữ	THCS Dịch Vọng		86.5	
39	Ca 3	6	A039	Nguyễn Phương Khanh	13/11/2001	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		70	
40	Ca 3	6	A040	Nguyễn Diệu Linh	05/05/1998	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
41	Ca 3	6	A041	Phạm Hồ Hiệu Linh	05/02/2001	Nữ	THCS Trung Hòa		85.5	
42	Ca 3	6	A042	Nguyễn Ngọc Khánh Linh	14/12/2002	Nữ	THCS Lê Quý Đôn			Bỏ thi
43	Ca 3	7	A043	Nguyễn Khánh Linh	14/11/1999	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
44	Ca 3	7	A044	Đào Nhật Linh	20/12/1999	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
45	Ca 3	7	A045	Lê Nhật Linh	06/10/1999	Nữ	THCS Trương Công Giai		67	
46	Ca 3	7	A046	Đỗ Phương Linh	15/06/1997	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
47	Ca 3	7	A047	Lê Phương Linh	26/05/2003	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		86	
48	Ca 3	7	A048	Nguyễn Thùy Linh	01/04/2002	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
49	Ca 3	8	A049	Ngô Thủy Linh	14/12/2001	Nữ	THCS Nghĩa Tân		74	
50	Ca 3	8	A050	Hà Yến Linh	10/08/2002	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi

KẾT QUẢ THỰC HÀNH, PHÒNG VẤN XÉT TUYỂN VÒNG 2
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC QUẬN CẦU GIẤY NĂM 2024

Vị trí: Giáo viên Tiếng Anh

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
51	Ca 3	8	A051	Trương Thị Loan	23/05/1983	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
52	Ca 3	8	A052	Vũ Thị Loan	04/04/1998	Nữ	THCS Nam Trung Yên		74	
53	Ca 3	8	A053	Nguyễn Thị Hoài Ly	16/01/1997	Nữ	THCS Mai Dịch			Bỏ thi
54	Ca 3	8	A054	Ngô Hương Ly	30/06/1994	Nữ	THCS Lê Quý Đôn			Bỏ thi
55	Ca 4	6	A055	Trần Thị Lê Mai	16/09/1997	Nữ	THCS Trương Công Giai		86.5	
56	Ca 4	6	A056	Phan Ngọc Mai	12/11/2002	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
57	Ca 4	6	A057	Nguyễn Thị Ngọc Mai	08/12/1999	Nữ	THCS Yên Hòa		67.5	
58	Ca 4	6	A058	Phan Nguyễn Trà My	07/02/2003	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
59	Ca 4	6	A059	Hoàng Tuấn Nam	03/07/2001	Nam	THCS Nghĩa Tân			Bỏ thi
60	Ca 4	6	A060	Chu Thị Hằng Nga	24/03/2002	Nữ	THCS Mai Dịch			Bỏ thi
61	Ca 4	7	A061	Doãn Thị Nga	21/05/1989	Nữ	THCS Mai Dịch		68	
62	Ca 4	7	A062	Nguyễn Thị Nga	01/06/1998	Nữ	THCS Trương Công Giai		76	
63	Ca 4	7	A063	Nguyễn Thị Thúy Nga	02/09/1987	Nữ	THCS Mai Dịch		66	
64	Ca 4	7	A064	Trịnh Kim Ngân	09/10/2001	Nữ	THCS Trương Công Giai		70.5	
65	Ca 4	7	A065	Nguyễn Thị Bích Ngọc	20/09/1996	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		76	
66	Ca 4	8	A066	Nguyễn Diệu Ngọc	05/05/1998	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		72	
67	Ca 4	8	A067	Phạm Thảo Nguyên	19/02/2002	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
68	Ca 4	8	A068	Ngô Thị Nguyệt	12/05/1999	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		72	
69	Ca 4	8	A069	Mai Thị Kiều Oanh	04/02/2001	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
70	Ca 4	8	A070	Trần Bảo Phương	29/11/2000	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
71	Ca 5	6	A071	Bùi Lan Phương	03/09/1988	Nữ	THCS Lê Quý Đôn			Bỏ thi
72	Ca 5	6	A072	Trần Thị Minh Quế	03/12/1992	Nữ	THCS Yên Hòa		78	
73	Ca 5	6	A073	Nguyễn Thị Hương Quỳnh	10/03/1993	Nữ	THCS Mai Dịch		86	
74	Ca 5	6	A074	Hoàng Như Quỳnh	11/03/1982	Nữ	THCS Trương Công Giai		51	
75	Ca 5	6	A075	Hoàng Như Quỳnh	06/09/1993	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		63	

KẾT QUẢ THỰC HÀNH, PHÒNG VẤN XÉT TUYỂN VÒNG 2
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC QUẬN CẦU GIẤY NĂM 2024

Vị trí: Giáo viên Tiếng Anh

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

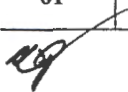
STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
76	Ca 5	7	A076	Vũ Thị Như Quỳnh	09/12/1990	Nữ	THCS Trần Duy Hưng	DTTS	68	
77	Ca 5	7	A077	Nguyễn Thị Thanh Tâm	08/09/1994	Nữ	THCS Dịch Vọng		73	
78	Ca 5	7	A078	Đinh Phương Thảo	20/08/2002	Nữ	THCS Trương Công Giai		87	
79	Ca 5	7	A079	Nguyễn Thị Thảo	10/06/1992	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
80	Ca 5	7	A080	Nguyễn Thị Thảo	21/09/1993	Nữ	THCS Yên Hòa			Bỏ thi
81	Ca 5	8	A081	Hoàng Minh Anh Thơ	22/06/2002	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		77	
82	Ca 5	8	A082	Nguyễn Thị Hoài Thu	18/03/1994	Nữ	THCS Trương Công Giai		71	
83	Ca 5	8	A083	Nhân Thị Phương Thu	06/12/1997	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		77	
84	Ca 5	8	A084	Nguyễn Thị Thanh Thu	23/02/1981	Nữ	THCS Trương Công Giai	CĐCĐ	64	
85	Ca 5	8	A085	Nguyễn Thị Thùy	16/08/1996	Nữ	THCS Dịch Vọng		52	
86	Ca 6	6	A086	Trần Thu Thủy	13/11/1996	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
87	Ca 6	6	A087	Nguyễn Thị Ngọc Thúy	28/08/1989	Nữ	THCS Nam Trung Yên		75.5	
88	Ca 6	6	A088	Nguyễn Thị Thúy	12/09/1994	Nữ	THCS Nghĩa Tân			Bỏ thi
89	Ca 6	6	A089	Phùng Thị Thu Thúy	29/08/1996	Nữ	THCS Mai Dịch		72	
90	Ca 6	6	A090	Khuất Thị Kiều Tiên	07/10/2003	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
91	Ca 6	7	A091	Bùi Thủy Tiên	12/11/1996	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		80	
92	Ca 6	7	A092	Hoàng Thị Trang	31/08/1993	Nữ	THCS Mai Dịch		72	
93	Ca 6	7	A093	Dương Thu Trang	15/08/2002	Nữ	THCS Nghĩa Tân			Bỏ thi
94	Ca 6	7	A094	Phạm Thu Trang	07/09/1998	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
95	Ca 6	7	A095	Phạm Thu Trang	24/02/2002	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
96	Ca 6	8	A096	Nguyễn Thị Trinh	24/01/2001	Nữ	THCS Mai Dịch		73	
97	Ca 6	8	A097	Bùi Cao Tuấn	27/01/1994	Nam	THCS Mai Dịch			Bỏ thi
98	Ca 6	8	A098	Nguyễn Thị Tuyết	16/04/1988	Nữ	THCS Lê Quý Đôn			Bỏ thi
99	Ca 6	8	A099	Đỗ Hải Vân	26/04/2001	Nam	THCS Trần Duy Hưng			Không thi
100	Ca 6	8	A100	Phạm Hải Yến	07/05/1999	Nữ	THCS Mai Dịch			Bỏ thi

Vị trí: Giáo viên Tiếng Anh

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
101	Ca 6	8	A101	Lê Nguyễn Thanh Thảo	05/12/2002	Nữ	THCS Trung Hòa		61	

Danh sách này có 101 người



KẾT QUẢ THỰC HÀNH, PHÒNG VẤN XÉT TUYỂN VÒNG 2
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC QUẬN CẦU GIẤY NĂM 2024

Vị trí: Giáo viên Vật lý

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
1	Ca 1	10	L001	Nguyễn Kim Anh	07/02/1997	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		70	
2	Ca 1	10	L002	Vũ Phương Anh	14/07/1995	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		67.5	
3	Ca 1	10	L003	Hoàng Quỳnh Anh	04/06/2000	Nữ	THCS Lê Quý Đôn		62.5	
4	Ca 1	10	L004	Vũ Thế Anh	07/07/1992	Nam	THCS Trần Duy Hưng		80	
5	Ca 1	10	L005	Nguyễn Thị Lệ Diễm	17/02/1994	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		83.8	
6	Ca 1	10	L006	Lê Thị Ngọc Diệp	16/08/2001	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
7	Ca 2	10	L007	Nguyễn Thị Phương Dung	06/07/1989	Nữ	THCS Trần Duy Hưng	CĐCĐ	62	
8	Ca 2	10	L008	Nguyễn Thị Thùy Dương	31/12/2002	Nữ	THCS Lê Quý Đôn			Bỏ thi
9	Ca 2	10	L009	Nguyễn Thu Giang	11/09/2001	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
10	Ca 2	10	L010	Quang Thị Kim Hoài	11/10/2001	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
11	Ca 2	10	L011	Nguyễn Thị Thanh Huế	10/08/1991	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
12	Ca 3	10	L012	Nguyễn Thị La	02/09/1991	Nữ	THCS Trần Duy Hưng	CTB		Bỏ thi
13	Ca 3	10	L013	Nguyễn Thị Liên	03/06/1991	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
14	Ca 3	10	L014	Nguyễn Thùy Linh	05/04/2002	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
15	Ca 3	10	L015	Trần Kim Loan	13/01/1998	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		67.5	
16	Ca 3	10	L016	Phan Thanh Nga	16/07/1998	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		68	
17	Ca 3	10	L017	Bùi Thị Quỳnh Như	10/06/1995	Nữ	THCS Lê Quý Đôn		68.8	
18	Ca 4	10	L018	Nguyễn Thị Phụng	04/05/1995	Nữ	THCS Lê Quý Đôn		64.3	
19	Ca 4	10	L019	Nguyễn Thị Kim Quế	01/08/1992	Nữ	THCS Lê Quý Đôn		70	
20	Ca 4	10	L020	Hoàng Diệu Quỳnh	08/06/2001	Nữ	THCS Lê Quý Đôn			Bỏ thi
21	Ca 4	10	L021	Vũ Thị Thanh	25/12/1992	Nữ	THCS Lê Quý Đôn			Bỏ thi
22	Ca 4	10	L022	Chữ Thị Phương Thảo	03/07/1997	Nữ	THCS Lê Quý Đôn		67.3	
23	Ca 5	10	L023	Đinh Thị Thủy	10/05/2001	Nữ	THCS Lê Quý Đôn		81	
24	Ca 5	10	L024	Nguyễn Ngọc Thương	27/02/1991	Nam	THCS Lê Quý Đôn		51	
25	Ca 5	10	L025	Nguyễn Thị Thu Uyên	06/05/1997	Nữ	THCS Lê Quý Đôn		61.3	
26	Ca 5	10	L026	Nguyễn Thị Uyên	12/12/1994	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
27	Ca 5	10	L027	Nguyễn Thị Yên	06/04/1988	Nữ	THCS Lê Quý Đôn		77.8	
28	Ca 5	10	L028	Vũ Thị Hải Yến	22/02/1994	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		71.3	

Danh sách này có 28 người

KẾT QUẢ THỰC HÀNH, PHÒNG VẤN XÉT TUYỂN VÒNG 2
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC QUẬN CẦU GIẤY NĂM 2024

Vị trí: Giáo viên Hóa học

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
1	Ca 1	11	H001	Hoàng Thị Ngọc Anh	25/11/1996	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		45	
2	Ca 1	11	H002	Dương Phương Anh	21/03/2002	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		52	
3	Ca 1	11	H003	Ngô Thị Phương Anh	12/05/2000	Nữ	THCS Dịch Vọng		45	
4	Ca 1	11	H004	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	23/03/2001	Nữ	THCS Dịch Vọng		73.5	
5	Ca 1	11	H005	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	11/12/2002	Nữ	THCS Trương Công Giai		62	
6	Ca 1	11	H006	Hán Ngọc Cẩm	23/11/1996	Nam	THCS Dịch Vọng		72.5	
7	Ca 1	12	H007	Nguyễn Kim Chi	23/11/1998	Nữ	THCS Dịch Vọng		84	
8	Ca 1	12	H008	Ngô Tùng Chi	09/10/2002	Nữ	THCS Trương Công Giai		51	
9	Ca 1	12	H009	Nguyễn Thị Kim Cúc	25/09/1999	Nữ	THCS Dịch Vọng		70	
10	Ca 1	12	H010	Nguyễn Hương Giang	09/05/1993	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		85	
11	Ca 1	12	H011	Hoàng Thị Ngọc Hà	21/09/1999	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		72	
12	Ca 1	12	H012	Nguyễn Nhị Hà	20/09/1992	Nữ	THCS Nghĩa Tân			Bỏ thi
13	Ca 2	11	H013	Trần Thu Hà	11/10/2001	Nữ	THCS Nghĩa Tân			Bỏ thi
14	Ca 2	11	H014	Nguyễn Thị Thu Hằng	29/01/1981	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
15	Ca 2	11	H015	Trần Thủy Hằng	14/10/1997	Nữ	THCS Dịch Vọng		56	
16	Ca 2	11	H016	Lê Thị Hiền	14/08/1995	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
17	Ca 2	11	H017	Khương Thu Hiền	01/10/1990	Nữ	THCS Nghĩa Tân		75	
18	Ca 2	11	H018	Lê Ngọc Hiếu	12/07/1998	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		55	
19	Ca 2	12	H019	Đặng Kim Hoàn	13/03/1997	Nữ	THCS Trương Công Giai		77	
20	Ca 2	12	H020	Lương Thị Hồng	02/11/1991	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		50	
21	Ca 2	12	H021	Nguyễn Thị Hồng	24/11/1998	Nữ	THCS Nghĩa Tân			Bỏ thi
22	Ca 2	12	H022	Đinh Thị Thanh Huyền	01/05/2000	Nữ	THCS Trương Công Giai		83	
23	Ca 2	12	H023	Phạm Thị Huyền	15/08/1988	Nữ	THCS Nghĩa Tân			Bỏ thi
24	Ca 2	12	H024	Nguyễn Thị Mai Hương	13/06/1999	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
25	Ca 3	11	H025	Nguyễn Thị Hường	27/05/1994	Nữ	THCS Nghĩa Tân			Bỏ thi
26	Ca 3	11	H026	Hoàng Thu Hường	07/07/1999	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		77	
27	Ca 3	11	H027	Bùi Minh Hường	11/10/1994	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
28	Ca 3	11	H028	Hoàng Thị Hải Linh	20/10/1992	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		61	
29	Ca 3	11	H029	Trần Thị Linh	12/04/2002	Nữ	THCS Nghĩa Tân			Bỏ thi
30	Ca 3	11	H030	Nguyễn Hữu Minh Nghĩa	12/12/2000	Nam	THCS Trương Công Giai		46	
31	Ca 3	12	H031	Nguyễn Hồng Phúc	15/04/2001	Nữ	THCS Trương Công Giai		52.5	

KẾT QUẢ THỰC HÀNH, PHÒNG VẤN XÉT TUYỂN VÒNG 2
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC QUẬN CẦU GIẤY NĂM 2024

Vị trí: Giáo viên Hóa học

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
32	Ca 3	12	H032	Phùng Lan Phương	15/08/2002	Nữ	THCS Dịch Vọng			Bỏ thi
33	Ca 3	12	H033	Nguyễn Thị Tâm	22/04/1994	Nữ	THCS Nghĩa Tân		84	
34	Ca 3	12	H034	Nguyễn Thu Thanh	17/04/2002	Nữ	THCS Nghĩa Tân			Bỏ thi
35	Ca 3	12	H035	Hoàng Phương Thảo	15/09/2002	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		71	
36	Ca 3	12	H036	Trần Phương Thảo	12/08/2002	Nữ	THCS Nghĩa Tân		76	
37	Ca 4	11	H037	Đặng Thị Thảo	13/08/2002	Nữ	THCS Dịch Vọng		68	
38	Ca 4	11	H038	Trần Thu Thùy	06/02/2001	Nữ	THCS Nghĩa Tân			Bỏ thi
39	Ca 4	11	H039	Nguyễn Thanh Thúy	24/04/2002	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
40	Ca 4	11	H040	Hoàng Thị Thúy	14/11/1996	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		67	
41	Ca 4	11	H041	Nguyễn Thị Thúy	06/12/1996	Nữ	THCS Dịch Vọng		72	
42	Ca 4	12	H042	Lưu Huệ Thương	14/09/1995	Nữ	THCS Nghĩa Tân		75	
43	Ca 4	12	H043	Nguyễn Mạnh Toàn	26/06/2001	Nam	THCS Nghĩa Tân		44	
44	Ca 4	12	H044	Vũ Thị Trang	25/07/1998	Nữ	THCS Nghĩa Tân		77	
45	Ca 4	12	H045	Công Thu Trà	14/12/1999	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		74	
46	Ca 4	12	H046	Phạm Văn Tuấn	01/05/1994	Nam	THCS Nghĩa Tân			Bỏ thi

Danh sách này có 46 người

KẾT QUẢ THỰC HÀNH, PHÒNG VẤN XÉT TUYỂN VÒNG 2
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC QUẬN CẦU GIẤY NĂM 2024

Vị trí: Giáo viên Sinh học

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
1	Ca 1	13	S001	Ngô Thị Phương Anh	12/12/1997	Nữ	THCS Mai Dịch		79	
2	Ca 1	13	S002	Nguyễn Thu Hà	25/04/1994	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		81	
3	Ca 1	13	S003	Bùi Việt Hà	02/01/2001	Nữ	THCS Trương Công Giai	DTTS	85	
4	Ca 1	13	S004	Trần Thị Minh Hằng	19/08/1992	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		92	
5	Ca 1	13	S005	Vũ Thị Hồng	09/05/1996	Nữ	THCS Trương Công Giai		90.5	
6	Ca 2	13	S006	Tạ Thị Hương	22/07/1996	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
7	Ca 2	13	S007	Nguyễn Thị Phương Liên	24/08/1989	Nữ	THCS Mai Dịch		87	
8	Ca 2	13	S008	Lê Hoài Linh	20/05/1997	Nữ	THCS Trương Công Giai		80	
9	Ca 2	13	S009	Dư Thị Như Linh	04/09/2002	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		72	
10	Ca 2	13	S010	Nguyễn Phương Nga	09/01/2001	Nữ	THCS Trương Công Giai		78	
11	Ca 3	13	S011	Nguyễn Thị Hồng Nhung	22/11/1994	Nữ	THCS Trương Công Giai		85.5	
12	Ca 3	13	S012	Nguyễn Thị Thanh Phương	09/04/1995	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
13	Ca 3	13	S013	Nguyễn Đỗ Thanh Tâm	27/06/2001	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		78	
14	Ca 3	13	S014	Nguyễn Thị Thùy	11/11/1994	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		75	
15	Ca 3	13	S015	Nguyễn Thị Yến	14/04/1995	Nữ	THCS Mai Dịch		89.5	

Danh sách này có 15 người

Vị trí: Giáo viên Địa lý

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Địa ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
1	Ca 1	18	Đ001	Đặng Thị Dung	08/10/1993	Nữ	THCS Yên Hòa		39	
2	Ca 1	18	Đ002	Nguyễn Trà Giang	04/05/2002	Nữ	THCS Dịch Vọng Hậu		44	
3	Ca 1	18	Đ003	Nguyễn Thị Hiền	24/01/1995	Nữ	THCS Yên Hòa		54.5	
4	Ca 1	18	Đ004	Nguyễn Thị Hoàn	02/03/1995	Nữ	THCS Trương Công Giai		46	
5	Ca 1	18	Đ005	Vũ Thị Huyền	10/02/2001	Nữ	THCS Lê Quý Đôn		49.5	
6	Ca 2	18	Đ006	Nguyễn Thị Lan Hương	21/07/2002	Nữ	THCS Dịch Vọng Hậu		32	
7	Ca 2	18	Đ007	Lâm Như Ngọc	25/12/2002	Nữ	THCS Trương Công Giai		75	
8	Ca 2	18	Đ008	Giảng A Phú	30/04/2000	Nam	THCS Trương Công Giai	DTTS	29	
9	Ca 2	18	Đ009	Phạm Thu Phương	06/02/2001	Nữ	THCS Lê Quý Đôn		59	
10	Ca 2	18	Đ010	Đoàn Thị Diệu Thùy	20/04/1998	Nữ	THCS Dịch Vọng Hậu		76	

Danh sách này có 10 người

Vị trí: Giáo viên Lịch sử

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
1	Ca 1	17	LS001	Đặng Thị Lan Anh	01/11/2000	Nữ	THCS Trương Công Giai		85.5	
2	Ca 1	17	LS002	Chu Mai Anh	23/08/2002	Nữ	THCS Trung Hòa		82	
3	Ca 1	17	LS003	Nguyễn Thị Thúy Anh	08/09/1989	Nữ	THCS Yên Hòa		84	
4	Ca 1	17	LS004	Nông Thị Đợi	01/02/2001	Nữ	THCS Nam Trung Yên	DTTS	67	
5	Ca 1	17	LS005	Đinh Thị Thu Hà	10/10/1999	Nữ	THCS Yên Hòa			Bỏ thi
6	Ca 1	17	LS006	Dương Thị Hằng	06/08/1994	Nữ	THCS Nghĩa Tân		58	
7	Ca 2	17	LS007	Nguyễn Việt Hoàng	01/06/2002	Nam	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
8	Ca 2	17	LS008	Trần Thị Hồng	01/02/1986	Nữ	THCS Yên Hòa			Bỏ thi
9	Ca 2	17	LS009	Bùi Thị Huế	20/08/1995	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		85	
10	Ca 2	17	LS010	Bùi Khánh Huyền	05/12/1992	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		65	
11	Ca 2	17	LS011	Ngô Lan Hương	19/07/1990	Nữ	THCS Lê Quý Đôn		47.5	
12	Ca 2	17	LS012	Trần Văn Kiên	24/01/2000	Nam	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
13	Ca 3	17	LS013	Phan Thị Thanh Loan	13/04/1989	Nữ	THCS Mai Dịch			Bỏ thi
14	Ca 3	17	LS014	Nguyễn Nguyệt Minh	15/03/2002	Nữ	THCS Nghĩa Tân			Bỏ thi
15	Ca 3	17	LS015	Trần Minh Phương	18/07/1989	Nữ	THCS Mai Dịch		83	
16	Ca 3	17	LS016	Phạm Thị Quý	01/10/1997	Nữ	THCS Nghĩa Tân		87	
17	Ca 3	17	LS017	Nguyễn Thị Phương Thảo	23/10/2000	Nữ	THCS Mai Dịch		70	
18	Ca 3	17	LS018	Trương Quỳnh Trang	31/03/2001	Nữ	THCS Lê Quý Đôn		42	
19	Ca 3	17	LS019	Lê Thị Tuyền	29/09/1989	Nữ	THCS Trung Hòa		63	

Danh sách này có 19 người

Vị trí: Giáo viên Giáo dục công dân

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
1	Ca 1	24	CD001	Phạm Thị Hải Anh	23/05/1999	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		90	
2	Ca 1	24	CD002	Trịnh Ngọc Anh	09/02/2001	Nữ	THCS Trung Hòa			Bỏ thi
3	Ca 1	24	CD003	Nguyễn Thanh Hải	28/10/1995	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		80	
4	Ca 1	24	CD004	Trần Thị Hiền	19/12/1995	Nữ	THCS Mai Dịch		85	
5	Ca 1	24	CD005	Đỗ Thanh Huyền	24/10/1990	Nữ	THCS Mai Dịch			Bỏ thi
6	Ca 2	24	CD006	Đặng Đình Sơn	05/12/1996	Nam	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
7	Ca 2	24	CD007	Bùi Thị Thắm	04/12/1997	Nữ	THCS Mai Dịch		90	
8	Ca 2	24	CD008	Vũ Thị Thanh Thủy	02/02/2000	Nữ	THCS Trung Hòa		80	
9	Ca 2	24	CD009	Phạm Huyền Trang	31/10/1996	Nữ	THCS Dịch Vọng		90	
10	Ca 2	24	CD010	Trần Văn Tư	01/11/1988	Nam	THCS Mai Dịch		75	

Danh sách này có 10 người

Vị trí: Giáo viên Công nghệ

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
1	Ca 1	19	CN001	Vũ Bảo Bình	21/02/1998	Nữ	THCS Mai Dịch		64.5	
2	Ca 1	19	CN002	Đỗ Thị Kim Chung	03/05/1989	Nữ	THCS Mai Dịch			Bỏ thi
3	Ca 1	19	CN003	Nông Kiều Diễm	19/12/1993	Nữ	THCS Lê Quý Đôn	DTTS	64.5	
4	Ca 1	19	CN004	Trương Văn Hiếu	23/06/1995	Nam	THCS Mai Dịch		57.5	
5	Ca 1	19	CN005	Đàm Thị Lan Phương	28/02/1988	Nữ	THCS Mai Dịch			Bỏ thi
6	Ca 2	19	CN006	Nguyễn Thị Thanh Thúy	20/02/1988	Nữ	THCS Mai Dịch		65.5	
7	Ca 2	19	CN007	Đậu Thị Kim Thương	10/05/2002	Nữ	THCS Yên Hòa		61	
8	Ca 2	19	CN008	Nguyễn Thị Yên	15/09/1991	Nữ	THCS Yên Hòa		70	

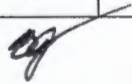
Danh sách này có 8 người

Vị trí: Giáo viên Tin học

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
1	Ca 1	9	TH001	Đinh Thị Giang	02/11/1995	Nữ	THCS Nghĩa Tân		82	
2	Ca 1	9	TH002	Phạm Thị Thu Hiền	06/02/1993	Nữ	THCS Trương Công Giai		67	
3	Ca 1	9	TH003	Nguyễn Bình Minh	06/07/1998	Nam	THCS Nghĩa Tân		89.5	
4	Ca 1	9	TH004	Nguyễn Thị Minh	04/04/1989	Nữ	THCS Yên Hòa	CTB		Bỏ thi
5	Ca 1	9	TH005	Nguyễn Thị Thủy	25/10/1979	Nữ	THCS Yên Hòa	CTB	88	
6	Ca 1	9	TH006	Đỗ Thị Thủy Vân	11/12/1997	Nữ	THCS Nghĩa Tân		78	

Danh sách này có 6 người



Vị trí: Giáo viên Giáo dục thể chất

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
1	Ca 1	27	TC001	Đỗ Thị Cúc	20/04/1993	Nữ	THCS Mai Dịch			Bỏ thi
2	Ca 1	27	TC002	Nguyễn Đắc Minh Hiếu	03/09/2002	Nam	THCS Mai Dịch		52	
3	Ca 1	27	TC003	Cao Văn Kiên	11/10/1994	Nam	THCS Trương Công Giai		86	
4	Ca 1	27	TC004	Trần Thị Nhung	08/09/2002	Nữ	THCS Trương Công Giai		54.5	
5	Ca 1	27	TC005	Lê Văn Phú	25/06/2002	Nam	THCS Trương Công Giai		75	
6	Ca 1	27	TC006	Vũ Anh Tú	29/12/1999	Nam	THCS Mai Dịch		81	

Danh sách này có 6 người

Vị trí: Giáo viên Âm nhạc

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
1	Ca 1	25	AN001	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	24/07/2000	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
2	Ca 1	25	AN002	Nguyễn Long Hải	20/04/2000	Nam	THCS Lê Quý Đôn		91.5	
3	Ca 1	25	AN003	Phạm Thị Thanh Hương	07/04/1992	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
4	Ca 1	25	AN004	Đặng Thị Thùy Linh	25/10/1997	Nữ	THCS Trương Công Giai	DTTS	58.5	
5	Ca 1	25	AN005	Vũ Thị Như Phương	16/12/1999	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		92.5	
6	Ca 2	25	AN006	Phạm Thị Ngọc Phương	03/08/1996	Nữ	THCS Mai Dịch		74	
7	Ca 2	25	AN007	Kim Văn Quyết	19/08/1990	Nam	THCS Lê Quý Đôn			Bỏ thi
8	Ca 2	25	AN008	Ngô Thị Ngọc Tuyết	26/04/1996	Nữ	THCS Mai Dịch	CTB	95	

Danh sách này có 8 người

KẾT QUẢ THỰC HÀNH, PHÒNG VẤN XÉT TUYỂN VÒNG 2
TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC GIÁO DỤC QUẬN CẦU GIẤY NĂM 2024

Vị trí: Nhân viên Văn thư

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Điểm ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
1	Ca 1	21	VT001	Nguyễn Thị Lan Anh	19/10/1987	Nữ	THCS Nghĩa Tân			Bỏ thi
2	Ca 1	21	VT002	Giáp Thị Hoa	06/09/1995	Nữ	MN Dịch Vọng Hậu			Bỏ thi
3	Ca 1	21	VT003	Phạm Ánh Hồng	15/11/1989	Nữ	THCS Trương Công Giai		86	
4	Ca 1	21	VT004	Lê Thị Yên Huế	15/06/1978	Nữ	THCS Trương Công Giai	CTB		Bỏ thi
5	Ca 1	21	VT005	Lê Thị Thu Hương	27/02/1995	Nữ	MN Hoa Sen		66	
6	Ca 1	21	VT006	Nguyễn Thị Thu Hường	03/01/1996	Nữ	THCS Nghĩa Tân			Bỏ thi
7	Ca 1	21	VT007	Nguyễn Thị Khuyên	25/08/1987	Nữ	THCS Trương Công Giai		84	
8	Ca 2	21	VT008	Nguyễn Ngọc Thu Lan	14/11/1999	Nữ	MN Hoa Sen			Bỏ thi
9	Ca 2	21	VT009	Đặng Thùy Linh	16/01/1989	Nữ	MN Dịch Vọng Hậu		51	
10	Ca 2	21	VT010	Phùng Thùy Linh	18/09/2000	Nữ	THCS Nghĩa Tân		41	
11	Ca 2	21	VT011	Giáp Thị Quyên	16/06/2001	Nữ	THCS Nghĩa Tân			Bỏ thi
12	Ca 2	21	VT012	Nguyễn Thị Bích Thùy	04/08/1984	Nữ	THCS Trương Công Giai		22	
13	Ca 2	21	VT013	Trương Thị Thủy	18/04/1989	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
14	Ca 2	21	VT014	Trần Thị Thương	16/04/1993	Nữ	THCS Nghĩa Tân		79	

Danh sách này có 14 người

Vị trí: Nhân viên Kế toán

(Kèm theo Thông báo số 32/TB-UBND ngày 16/01/2025 của Hội đồng tuyển dụng viên chức giáo dục quận Cầu Giấy năm 2024)

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
1	Ca 1	20	KT001	Trần Đặng Phương Anh	29/08/2000	Nữ	THCS Nghĩa Tân			Bỏ thi
2	Ca 1	20	KT002	Nguyễn Thị Phương Dung	06/10/1994	Nữ	MN Nam Trung Yên			Bỏ thi
3	Ca 1	20	KT003	Đặng Hoàng Hà	19/09/1998	Nữ	MN Nam Trung Yên		50	
4	Ca 1	20	KT004	Lê Thị Hồng Hạnh	03/08/1988	Nữ	MN Nam Trung Yên		58.5	
5	Ca 1	20	KT005	Nguyễn Thị Thu Hiền	19/08/1976	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		76	
6	Ca 1	20	KT006	Đỗ Khánh Hương	01/04/1983	Nữ	MN Nam Trung Yên		73	
7	Ca 1	20	KT007	Trần Thị Kim Hương	11/10/1990	Nữ	MN Hoa Sen		79	
8	Ca 1	20	KT008	Nguyễn Hoàng Khánh Linh	12/07/2001	Nữ	THCS Trần Duy Hưng			Bỏ thi
9	Ca 1	20	KT009	Tổng Thị Luận	20/12/1988	Nữ	MN Hoa Sen			Bỏ thi
10	Ca 1	20	KT010	Nguyễn Thị Huyền Nga	04/01/1993	Nữ	MN Nam Trung Yên			Bỏ thi
11	Ca 2	20	KT011	Hoàng Thị Thanh Nga	05/02/1987	Nữ	MN Hoa Hướng Dương		76	
12	Ca 2	20	KT012	Vũ Thị Khánh Ngọc	14/01/1993	Nữ	MN Ánh Sao		70	
13	Ca 2	20	KT013	Hoàng Thị Thà	25/09/1980	Nữ	THCS Trần Duy Hưng	CBB	62.5	
14	Ca 2	20	KT014	Nguyễn Thị Phương Thảo	22/04/1984	Nữ	THCS Trương Công Giai		46.5	
15	Ca 2	20	KT015	Trần Thị Thom	15/01/1988	Nữ	THCS Nghĩa Tân		82.5	
16	Ca 2	20	KT016	Nguyễn Thị Thu Thùy	17/03/1987	Nữ	THCS Trương Công Giai		77	
17	Ca 2	20	KT017	Nguyễn Thị Vân Thùy	05/07/1984	Nữ	MN Hoa Mai		78	
18	Ca 2	20	KT018	Nguyễn Thị Thùy Trang	28/10/1995	Nữ	MN Nam Trung Yên			Bỏ thi
19	Ca 2	20	KT019	Nguyễn Thanh Trà	11/12/1997	Nữ	THCS Nghĩa Tân			Bỏ thi

Danh sách này có 19 người

Vị trí: Nhân viên Thư viện

STT	Ca thi	Phòng thi	Số báo danh	Họ và tên	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Trường đăng ký dự tuyển	Diện ưu tiên	Điểm thực hành, phỏng vấn	Ghi chú
1	Ca 1	26	TV001	Nguyễn Ngọc Anh	28/12/2000	Nữ	THCS Trương Công Giai		76	
2	Ca 1	26	TV002	Lê Thị Hải	11/11/1991	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		57.5	
3	Ca 1	26	TV003	Bùi Thị Thúy Hoa	11/01/1990	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		53	
4	Ca 1	26	TV004	Phạm Thị Huế	03/01/1992	Nữ	THCS Trương Công Giai			Bỏ thi
5	Ca 1	26	TV005	Nguyễn Thị Nga	02/03/1990	Nữ	THCS Trương Công Giai		74.5	
6	Ca 1	26	TV006	Vũ Thị Phượng	21/09/1985	Nữ	THCS Trương Công Giai		63	
7	Ca 1	26	TV007	Nguyễn Thu. Trang	14/01/1997	Nữ	THCS Trần Duy Hưng		77.5	

Danh sách này có 7 người